

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: HÓA HỌC

### CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT HÓA HỌC

#### 1. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là toán cao cấp, tiếng Anh và Hóa lý kỹ thuật

Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau:

*1.1 Về văn bằng: người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:*

#### QUY ƯỚC MÃ NHÓM ĐỐI TƯỢNG HỌC VIÊN

		Chương trình đại học*		
	Ngành học đại học	5 năm ≥ 155 TC	4,5 năm ≥ 144 TC	4 năm ≥ 128 TC
<b>Ngành đúng</b>	<b>Hóa học, Kỹ thuật hóa học</b> (Hóa Hữu cơ, Hóa lý, Hóa Phân tích, Hóa Dược, Hóa lý thuyết)	<b>A1.1</b> Tốt nghiệp các trường: ĐHBK Hà Nội ĐHBK TP HCM ĐHBK Đà Nẵng ĐH Dược Hà Nội Học Viện KT Quân sự ĐH Công nghiệp HN	<b>A1.2</b>	<b>A1.3</b> Tốt nghiệp các trường: ĐHBK Hà Nội (Hệ Cử nhân) ĐHKHTN-ĐHQG HN ĐHKHTN-ĐHQG HCM ĐHSP HN ĐHSP 2 (Xuân Hòa) ĐH Thái Nguyên ĐH Nông nghiệp HN ĐHSP Huế, ĐH Huế ĐH CN Việt Trì ĐH Hùng Vương ĐH Tây Nguyên ĐH Quy Nhơn
<b>Ngành phù hợp</b>	<b>Môi trường, Sinh học - Thực phẩm, Vật liệu</b>	<b>B1.1</b> ĐHBK Hà Nội ĐHBK TP HCM ĐHBK Đà Nẵng Học Viện KT Quân sự ĐH Công	<b>B1.2</b>	<b>B1.3</b> ĐHBK Hà Nội (Hệ Cử nhân) ĐHKHTN-ĐHQG HN ĐHKHTN-ĐHQG HCM ĐHSP HN ĐHSP 2 (Xuân Hòa)

		ngành HN		ĐH Thái Nguyên ĐH Nông nghiệp HN ĐHSP Huế, ĐH Huế ĐH CN Việt Trì ĐH Hùng Vương ĐH Tây Nguyên ĐH Quy Nhơn
<b>Ngành gần</b>	Các đối tượng tốt nghiệp Đại học tại chức ngành gần và ngành đúng	<b>C1.1</b>	<b>C1.2</b>	<b>C1.3</b>

*\*Phải thỏa mãn cả 2 yêu cầu về thời gian và số tín chỉ*

*Các trường hợp khác, trường hợp đặc biệt do Hội đồng Đào tạo Viện quyết định*

### **1.2. Về thâm niên công tác: không yêu cầu thâm niên công tác**

## **2. Thời gian đào tạo**

- Khóa đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng A1.1, A1.2, A2.1, và A2.2 là 1 năm (2 học kỳ chính).
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng B1.1, B1.2, B2.1 và B2.2 là 1,5 năm (3 học kỳ chính).
- Thời gian khóa đào tạo được thiết kế cho các đối tượng còn lại là 2 năm (4 học kỳ chính).
- Trường hợp đặc biệt do Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện KTHH xét duyệt.

## **3. Bổ sung và chuyển đổi kiến thức**

- Đối tượng (A) không phải học bổ sung.
- Đối tượng (B) và (C) phải học bổ sung tối đa 8TC
- Một số trường hợp đặc biệt do Hội đồng Đào tạo Viện quyết định

Danh mục các học phần bổ sung trong bảng 1 và danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể trong bảng 2 (nếu bảng này quá dài thì bố trí thành phụ lục 1).

Bảng 1: Danh mục học phần bổ sung

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	TN Hóa Vô cơ	CH3131	2(0-0-4-4)	
2	TN Hoá Hữu cơ 1	CH3231	1(0-0-2-2)	
3	TN Hoá Hữu cơ 2	CH3232	1(0-0-2-2)	
4	TN Hóa lý 1	CH3052	1(0-0-2-2)	

5	TN Hóa lý 2	CH3062	1(0-0-2-2)	
6	TN Hóa Phân tích	CH3340	2(0-0-4-4)	

Bảng 2: Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Đối tượng	Số TC bổ sung	Các HP bổ sung cụ thể (thuộc bảng 1)	Ghi chú
1	A1.1, A1.2, A1.3	0		
2	B1.1, B1.2, B1.3 C1.1, C1.2, C1.3	8	1,2,3,4,5,6	

#### 4. Miễn học phần

Bảng 3: Danh mục học phần xét miễn học

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Động học các quá trình điện cực	CH6261	2(1,5-1-0-4)	
2	Hoá học lập thể	CH6281	2(1,5-1-0-4)	
3	Các phương pháp quang học	CH6371	2(1,5-1-0-4)	
4	Cấu tạo phân tử và liên kết hoá học	CH6211	2(1,5-1-0-4)	
5	Hoá học các hợp chất phối trí	CH6231	2(1,5-1-0-4)	
6	Hoá học nano	CH6331	2(1,5-1-0-4)	
7	Phức chất trong Hoá phân tích	CH6401	2(1,5-1-0-4)	
8	Tổng hợp Hữu cơ	CH6271	2(1,5-1-0-4)	

Bảng 4: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Đối tượng	Số TC được miễn tối đa	Các HP được miễn cụ thể (thuộc bảng 3)	Ghi chú
1	Đối tượng A1.1	16	Các học phần từ 1-8	
2	Đối tượng A1.2	14	Tùy từng trường hợp cụ thể	
3	Đối tượng A1.3	12	Tùy từng trường hợp cụ thể	
4	Đối tượng B	10	Các học phần từ 1-5	
5	Đối tượng C	6	Các học phần từ 1-3	

(\*Những trường hợp đặc biệt, Hội đồng Đào tạo của Viện sẽ quyết định thay đổi tên các học phần được miễn học)